

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TÂN VIỆT Ý**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TÂN VIỆT Ý

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH DV TM TÂN VIỆT Ý

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101620751

**3. Ngày thành lập:** 12/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 316E, đường Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0353713649

Fax:

Email: xinyidesigner@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng               | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>- Thiết kế cơ - điện công trình;</p> <p>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình thủy điện;</p> <p>- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Lập quy hoạch xây dựng: Thiết kế quy hoạch xây dựng;</p> <p>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: dân dụng - công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; Giám sát công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35 KV.</p> <p>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> <p>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35 KV.</p> <p>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp, giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quy hoạch xây dựng; công trình thủy điện; công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp, giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quy hoạch xây dựng; công trình thủy điện; công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV.</p> <p>- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> | 7110        |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410(Chính) |
|     | Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
| 9.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212        |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4221        |

|     |                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299                                                         |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311                                                         |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312                                                         |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321                                                         |
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752                                                         |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753                                                         |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                         |
| 23. | (* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).    | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÝ TÂM Ý

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/09/1992

Dân tộc: Hán

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052192006167

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3A Khu Phố 11, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 316E, đường Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÝ TÂM Ý

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1992

Dân tộc: Hán

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052192006167

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3A Khu Phố 11, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 316E, đường Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định